TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/01/2024
V/v ly hôn, tranh chấp
Nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Láth
Ông Thái Trung Nghĩa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị Đà V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Nhà số H, ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Anh Tăng T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Nhà số I, ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022 (BL01) Biên bản ghi lời khai ngày 31/10/2023 (BL23) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Đà V trình bày: Vào năm 2011, chị Đà V kết hôn với anh Tăng T có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/4/2012. Sau ngày cưới, chị V và anh Tăng T chung sống tại nhà cha mẹ chị V ở ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được 2 năm rồi vợ chồng cùng nhau lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm công sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh Tăng T thường hay rượu chè, sống không chung thủy, không quan tâm đến vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng không giải tỏa được. Do quá sức chịu đựng nên chị V đã dẫn cháu Tăng Thị T1 (nữ) sinh ngày 13/9/2012 về sống tại nhà cha mẹ của chị V ở số H, ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng kể từ tháng 5/2021 cho đến nay; còn anh Tăng T thì về sống tại nhà cha mẹ ruột anh T ở ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Nay chị V nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Triệu Thị Đà V được ly hôn với anh Tăng T. Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của cháu Tăng Thị T1, nếu cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu cháu sống với chị V, chị V không yêu cầu anh Tăng T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị V, đồng thời anh T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh T; Về con chung: giao con chung Tăng Thị T1 (nữ) sinh ngày 13/9/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu T1 nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị V khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh Tăng T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, chị Triệu Thị Đà V có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị V và anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/12/2022 chị Triệu Thị Đà V yêu cầu được ly hôn với anh Tăng T có nơi cư trú tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Đà V, nhận thấy chị V và anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/4/2012. Quan hệ hôn nhân của chị V và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị V nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên có nguyện vọng ly hôn. Chị V và anh T đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 5 năm 2021 cho đến nay từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị V và anh T có 01 con chung tên Tăng Thị T1 (nữ) sinh ngày 13/9/2012 hiện đang do chị V nuôi dưỡng, tùy nguyện vọng của cháu T1 muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến trình bày của cháu T1 nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T1 không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Tăng Thị T1 (nữ) sinh ngày 13/9/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị V hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị V khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị V khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Đà V đối với bị đơn anh Tăng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Đà V được ly hôn với anh Tăng T.

- Về con chung: Giao con chung cháu Tăng Thị T1 (nữ), sinh ngày 13/9/2012 cho chị Triệu Thị Đà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Tăng T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tăng Thị Tiền c chị Triệu Thị Đà V thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị V khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị V khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Triệu Thị Đà V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0008533, ngày 13/10/2023

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị V đã thực hiện xong. Anh Tăng T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã Lai Hòa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng